TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN M'ĐRẮK** TỈNH ĐẮK LẮK	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2019/HNGĐ-ST
Ngày 31 – 7 - 2019
"V/v: Ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M'ĐRẮK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Đức Hợi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Trọng Búp; Ông Y Đo Niê.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Xuân Quyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:*** Ông Y Gon Niê - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2019 tại hội trường Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 47/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2019 về việc "Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị C , sinh năm 1978. Địa chỉ: Thôn 4, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Chị C có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1974. Địa chỉ: Thôn 4, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Anh Q có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện ngày 21 tháng 3 năm 2019 và các lời khai của nguyên đơn chị Nguyễn Thị C trình bày:*

Chị Nguyễn Thị C tự nguyện chung sống với anh Nguyễn Văn Q từ năm 1998 không đăng ký kết hôn nhưng có thông báo với chính quyền địa phương. Trong quá trình chung sống chị C và anh Q thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do cả hai bất đồng quan điểm, tính cách, lối sống. Chị và anh Q đã không sống chung với nhau từ lâu. Nhận thấy tình cảm giữa hai người không còn, nên chị C yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Q.

Chị C và anh Q có hai con chung là Nguyễn Văn V, sinh ngày 09/9/1999 và Nguyễn Duy M, sinh ngày 04/3/2006. Vì V đã thành niên, đang đi nghĩa vụ quân

sự, đã có thể tự lao động nuôi sống bản thân nên chị C không yêu cầu giải quyết, chị C yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi Nguyễn Duy M cho đến khi con thành niên, không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Nguyễn Văn Q trình bày:*

Anh Q và chị C sống chung với nhau từ năm 1998 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện M nhưng đã bị thất lạc giấy chứng nhận kết hôn. Trong cuộc sống mặc dù anh Q và chị C có mâu thuẫn nhưng chưa đến mức trầm trọng nên anh Q không đồng ý ly hôn với chị C.

Anh Q và chị C có hai con chung là Nguyễn Văn V và Nguyễn Duy M. Do không đồng ý ly hôn với chị C nên anh Q không yêu cầu giải quyết về con chung, tài sản chung.

****** *Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:*

Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án cũng như Hội đồng xét xử (HĐXX) tại phiên tòa đảm bảo đúng quy định về trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Về nội dung, các đương sự không đăng ký kết hôn, nên không công nhận quan hệ vợ chồng. Về con chung cần tiếp tục giao cho chị C được chăm sóc, nuôi dưỡng.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[**1**] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn hiện cư trú tại Thôn 4, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn chị C , bị đơn anh Q đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[**2**] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Văn Q chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1998, anh Q trình bày có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện M nhưng qua xác minh tại xã E thì chị C và anh Q sống chung với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn. Do anh chị có đủ điều kiện để kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là vi phạm Điều 9 luật Hôn nhân và Gia đình. Quá trình

chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn, chị C làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, nên Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 14 và Điều 53 luật Hôn nhân và Gia đình để tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa chị C và anh Q. Về con chung và tài sản chung cần áp dụng Điều 15, Điều 16 luật Hôn nhân và Gia đình để giải quyết.

[**3**] Về con chung: Chị C và anh Q có hai con chung là Nguyễn Văn V, sinh ngày 09/9/1999 và Nguyễn Duy M, sinh ngày 04/3/2006. Đối với Nguyễn Văn V đã thành niên, có thể tự mình lao động nuôi sống bản thân nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

Nguyễn Duy M có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng với mẹ sau khi Tòa án giải quyết ly hôn. Đồng thời, chị C có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con cái. Vì vậy, để đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt cho con, HĐXX cần căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình để giao cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con sau khi Tòa án giải quyết.

[**4**] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét. Trong trường hợp tranh chấp xảy ra sẽ được giải quyết bằng một vụ kiện riêng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nếu các đương sự có yêu cầu.

[**5**] Về án phí: Nguyên đơn chị C thuộc diện hộ nghèo theo quy định chính phủ, xét miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, 147, 220 và 238 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 14, 15, 16, khoản 2 Điều 53, khoản 2 Điều 81, 82, 83, 84 luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Văn Q là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cho chị C trực tiếp nuôi Nguyễn Duy M, sinh ngày 04/3/2006 cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi).

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Nguyên đơn chị C thuộc diện hộ nghèo theo quy định của chính phủ, xét miễn tiền án phí cho chị .

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
-TAND tỉnh ĐắkLắk;
-VKSND huyện M'Đrắk;
-THADS huyện M'Đrắk;
-UBND xã E, M, tỉnh Đắk Lắk;
-Đương sự;
-Lưu HS.

Võ Đức Hợi